

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-ST.
Ngày 06-10-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ái Hòa;

Ông Nguyễn Xuân Tươi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1962; có mặt.

Cư trú tại: khu phố L, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1976; có mặt.

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1976; có mặt.

Cùng cư trú tại: khu phố L, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Vào năm 2020, ông H tham gia của bà 02 dây hụi gồm:

+ Dây hụi thứ 01: dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 20-01-2019

(DL) nhằm ngày 15-12-2018 (AL), gồm 24 phần, ông H tham gia 02 phần. Dây hui này bà đã khởi kiện ông H và đã được giải quyết tại Bản án dân sự số 27/2021/DS-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Dây hui thứ 02: dây hui 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, khai ngày 20-02-2020 (AL), hui gồm 18 phần, ông H tham gia 02 phần, ông H đã hốt tất cả 02 phần hui này, cụ thể:

* Phần hui thứ nhất: ông H đã đóng được 02 tháng hui sống. Đến ngày 20-4-2020 AL (nhằm thứ Ba, ngày 12-5-2020 DL), ông H kê số tiền 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng, ông H hốt được 64.750.000 đồng, bà trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng. Bà đã giao cho ông H số tiền trúng hui là 63.250.000 (sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, có làm giấy giao nhận tiền hui và ông H có ký tên vào. Ông H đã đóng được 01 tháng hui chết, còn nợ lại 15 lần hui chết, thành tiền là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

* Phần hui thứ hai: ông H đã đóng được 03 tháng hui sống. Đến ngày 20-4-2020 AL sau (do năm nhuận có hai tháng 4 âm lịch, nhằm thứ Năm, ngày 11-6-2020 DL), ông H kê số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, ông H hốt được 68.200.000 đồng, bà trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng. Bà đã giao cho ông H số tiền trúng hui là 66.700.000 (sáu mươi sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng, có làm giấy giao nhận tiền hui và ông H có ký tên vào. Ông H không đóng hui chết cho bà lần nào, ông H còn nợ lại bà 15 lần hui chết, thành tiền là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

Hai phần hui này hiện nay đã mãn hui vào ngày 20-6-2021 (AL) và bà đã đóng tiền hui thay cho ông H xong, tổng cộng là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Nay bà yêu cầu ông H, bà U cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20-5-2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Bị đơn – ông Nguyễn Thành H trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H thừa nhận có tham gia dây hui do bà N làm chủ thảo nhưng ông H xác định ông chỉ tham gia 01 dây hui và còn nợ bà N số tiền hui là 90.000.000 đồng và đã được giải quyết tại Bản án dân sự số 27/2021/DS-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng; hiện tại ông đã trả cho bà N số tiền nợ hui 90.000.000 đồng này tại cơ quan thi hành án xong và không còn nợ bà N số tiền hui nào.

Tại phiên tòa, ông H xác định việc ông có tham gia 01 dây hui do bà N làm chủ thảo hui nhưng ông không nhớ rõ ngày, tháng, năm khai hui, hui gồm 18 phần và ông có tham gia 02 phần. Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết Nguyễn Thành H tại

giấy giao tiền hối đê ngày 12-5-2020 và giấy giao tiền hối đê ngày 11-6-2020 là do ông viết và ký tên và thừa nhận có nhận số tiền hối theo 02 giấy hối này như bà N trình bày. Tuy nhiên, ông xác định sau khi nhận tiền hối thì ông đã đóng tiền hối chết cho bà N đầy đủ đến tháng 9-2020. Từ sau tháng 9-2020, do ông gặp khó khăn về kinh tế nên ông đã chấm dứt mọi giao dịch dân sự với bà N và không tiếp tục đóng tiền hối chết cho bà N. Nay ông đồng ý trả cho bà N số tiền hối chết mà ông còn nợ bà N nhưng ông yêu cầu tính toán và khấu trừ lại số tiền hối chết ông đã đóng cho bà N từ khi ông hót hối đến tháng 9-2020; đối với yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông trả tiền lãi thì ông không đồng ý.

Tại phiên tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị U trình bày: bà là vợ của ông H. Bà có nghe ông H nói rằng ông H có tham gia hối do bà N làm chủ thảo nhưng cụ thể bao nhiêu dây hối và hối bao nhiêu tiền thì bà không rõ. Nay bà đồng ý cùng ông H trả tiền cho bà N nhưng không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về tranh chấp hợp đồng góp hối đối với ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U.

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền hối 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: ông H, bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N đối với bị đơn là ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U xuất phát từ việc tham gia hội, theo Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL) nên có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về hợp đồng góp hội. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố L, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U, yêu cầu ông H, bà U cùng có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng theo theo Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N:

Bà N xác định vào năm 2020, ông H tham gia của bà N 02 dây hội gồm: dây hội thứ 01 khui vào ngày 20-01-2019 (DL), hiện bà đã khởi kiện ông H và đã được giải quyết tại Bản án dân sự số 27/2021/DS-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng; dây hội thứ 02 là hội 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, hội khui ngày 20-02-2020 (AL), gồm 18 phần, ông H tham gia 02 phần và ông H đã lĩnh hội cả 02 phần hội này lần lượt vào các ngày 12-5-2020 (DL) và ngày 11-6-2020 (DL). Khi giao tiền hội cho ông H thì bà có làm giấy viết tay để tính tiền hội cụ thể là Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL), sau khi nhận tiền hội thì ông H đều ký tên, ghi họ tên vào 02 giấy tính tiền hội này.

Tại Kết luận giám định số: 4028/KL-KTHS ngày 17-8-2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Thành H” trong Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL) và chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Thành H” tại các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết tên. Tại phiên tòa, ông H thừa nhận có tham gia hội do bà N làm chủ thảo đồng thời ông H thừa nhận việc ông đã lĩnh 02 phần hội và có lý tên, ghi họ tên vào Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL) như bà N đã trình

bày. Do đó, có cơ sở để xác định việc ông H có tham gia 02 phần hội tại đây hội khai ngày 20-02-2020 (AL) do bà N làm chủ thảo và ông H đã lĩnh 02 phần hội này vào các ngày 12-5-2020 (DL) và ngày 11-6-2020 (DL).

Tuy nhiên, ông H cho rằng sau khi lĩnh hội thì ông đã đóng tiền hội chết cho bà N đầy đủ từ ngày ông lĩnh hội đến tháng 9-2020, từ tháng 9-2020 đến nay thì ông và bà N đã ngừng tất cả giao dịch dân sự với nhau nên ông không tiếp tục đóng tiền hội cho bà N. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận việc ông H đã đóng tiền hội chết cho bà N đến tháng 9-2020 như ông H trình bày và bà N xác định việc ông H chỉ đóng tiền hội chết cho bà N đến ngày 11-6-2020; bên cạnh đó, ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của ông là có căn cứ. Do đó, việc bà N khởi kiện ông H, yêu cầu trả cho bà N số tiền nợ hội 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà U có nghĩa vụ cùng ông H trả tiền cho bà N, nhận thấy: mặc dù bà U không tham gia hội của bà N và không ký tên vào Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL) nhưng ông H và bà U là vợ chồng, hiện tại vẫn còn đang chung sống với nhau và bà U có biết việc ông H tham gia hội của bà N. Theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nên bà U phải có nghĩa vụ cùng ông H trả tiền cho bà N. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông H cùng bà U có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền nợ hội là 150.000.000 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông H, bà U trả tiền lãi đối với số tiền nợ hội:

Theo Giấy tính tiền hội đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hội đề ngày 11-6-2020 (DL) thì ông H đã lĩnh hội đối với 02 phần hội mà ông tham gia trong đây hội khai ngày 20-02-2020 (AL). Tuy nhiên, sau khi lĩnh hội thì ông H không thực hiện nghĩa vụ góp hội cho bà N. Theo quy định tại các điều 22, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, trường hợp đến kỳ mở hội mà thành viên đã lĩnh hội không góp phần hội hoặc góp phần hội không đầy đủ thì phải trả lãi của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp. Do đó, việc bà N yêu cầu ông H, bà U trả tiền lãi trên số tiền nợ hội chậm góp là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu ông H và bà U trả cho bà N tiền lãi trên tổng số tiền nợ hội từ ngày mãn hội đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Xét thấy việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể tiền lãi

được tính theo quy định của pháp luật từ ngày mãn hạn 20-6-2021 (AL) nhằm ngày 29-7-2021 (DL) đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án 06-10-2022 là 01 năm 02 tháng 07 ngày: $150.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 17.792.000$ (mười bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông H và bà U cùng có nghĩa vụ trả cho bà N tiền nợ hạn là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 17.792.000 (mười bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng tiền nợ hạn và tiền lãi phải trả là 167.792.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: căn cứ Điều 160, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Tại kết luận giám định đã kết luận chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thành H” trong Giấy tính tiền hạn đề ngày 12-5-2020 (DL) và Giấy tính tiền hạn đề ngày 11-6-2020 (DL) là do ông H ký và ghi họ tên nên ông H, bà U phải chịu chi phí giám định là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Do bà N đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên ông H, bà U có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho bà N số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

[6] Án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H, bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà N, cụ thể án phí được tính như sau: $167.792.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.390.000$ (tám triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 160, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 13, 16, 22, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hạn, biên, phương; khoản 2 Điều 26 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về tranh chấp hợp đồng góp hui đối với ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U.

2. Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 167.792.000 (một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền hoa hồngn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí giám định:

Ông Nguyễn Thành H và bà Nguyễn Thị U phải chịu 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí giám định. Ông H, bà U có nghĩa vụ trả lại cho bà N số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí giám định này.

4. Án phí:

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026289 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và 920.000 (chín trăm hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026546 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ông H, bà U phải chịu 8.390.000 (tám triệu ba trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà N, ông H, bà U có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Minh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ